

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/DS-ST

Ngày: 07-8-2018

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Văn Năm**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Bình**

2. Ông **Trần Văn Ân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 07 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2018/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2018/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Tạ Công Q**, sinh năm 1973. (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* 1/ Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1967.

2/ Chị **Đoàn Thị Bé T**, sinh năm 1969. (Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của anh H: Chị **Đoàn Thị Bé T**, sinh năm 1969. Theo giấy ủy quyền có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long ngày 26/7/2018.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp Ô, xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 31/5/2018 nguyên đơn anh **Tạ Công Q** trình bày: Vào ngày 09/12/2012 anh có bán phân bón, thuốc trừ sâu cho anh **Nguyễn Văn H** và chị **Đoàn Thị Bé T** với số tiền còn nợ 28.710.000đ, hẹn 06 tháng trả nhưng đến hạn phía anh **H** và chị **T** không trả. Số tiền này anh **H**, chị **T** thiếu anh đã quá lâu, anh có đến đòi nhiều lần nhưng anh **H**, chị **T** không lo trả cho anh.

Đến ngày 18/5/2018 anh có nhờ Ban hòa giải ấp Ô giải quyết, chị T thừa nhận có nợ nhưng vắng mặt anh H nên hòa giải không thành. Nay anh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị T và anh H có nghĩa vụ liên đới trả cho anh số tiền còn nợ 28.710.000đ và lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 09/12/2013 đến ngày 09/5/2018 là 53 tháng, tổng tiền lãi là 15.211.000đ. Tổng cộng vốn, lãi bằng 43.921.000đ.

Tại bản tự khai ngày 11/7/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Đoàn Thị Bé T trình bày: Thừa nhận vào năm 2012 vợ chồng chị có mua phân bón, thuốc trừ sâu của anh Q, hiện còn nợ anh Q 28.710.000đ. Chị xác nhận chị có lỗi trong vụ việc này do điều kiện gia đình chị gặp khó khăn con bệnh nặng nên không khả năng trả. Nay chị đồng ý trả vốn 28.710.000đ, về lãi suất thì chị xin anh Q cho chị phần lãi.

Tại bản tự khai ngày 21/7/2018, bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: Thừa nhận vào ngày 09/12/2012 có mua bán phân bón, thuốc trừ sâu của anh Q, hiện còn nợ 28.710.000đ không khả năng trả do điều kiện con bệnh nặng phải đi điều trị, hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn. Xin Tòa án xem xét và anh hứa mỗi tháng trả cho anh Q là 3.000.000đ.

Tại biên bản hòa giải ngày 11/7/2018, nguyên đơn và bị đơn chị T thống nhất với nhau là chị T và anh H còn nợ anh Q số tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu là 28.710.000đ. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về số tiền lãi, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả vốn, lãi tổng cộng 43.921.000đ, bị đơn không đồng ý, chỉ đồng ý trả vốn 28.710.000đ, không đồng ý trả lãi.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Q trình bày: Yêu cầu chị T và anh H có nghĩa vụ liên đới trả cho anh số tiền còn nợ 28.710.000đ và lãi suất 0,75%/tháng tính từ ngày 09/12/2013 đến ngày 09/5/2018 là 53 tháng, tổng tiền lãi là 15.211.000đ. Tổng cộng vốn, lãi bằng 43.921.000đ.

Bị đơn chị T đồng thời là đại diện theo ủy quyền của anh H trình bày: Đồng ý còn nợ anh Q số nợ 28.710.000đ, đồng ý cùng anh H có nghĩa vụ trả số vốn 28.710.000đ, còn phần lãi suất thì xin anh Q, lý do hoàn cảnh kinh tế gặp khó khăn, con bị bệnh nên xin trả dần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của anh Tạ Công Q yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long giải quyết về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản với anh Nguyễn Văn H và chị Đoàn Thị Bé T cư trú tại ấp Ô, xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn anh Tạ Công Q trình bày vào ngày 09/12/2012 anh và anh H, chị T có thỏa thuận mua bán với nhau, anh có bán phân bón, thuốc trừ sâu cho anh H, chị T còn nợ anh số tiền 28.710.000đ, hẹn 06 tháng trả. Tại phiên hòa giải ngày 11/7/2018 và tại bản tự khai ngày 21/7/2018 bị đơn chị T và anh H thừa nhận vào năm 2012 có mua phân bón, thuốc trừ sâu của anh Q và còn nợ anh Q 28.710.000đ như anh Q trình bày. Nên xem hợp đồng mua bán tài sản giữa anh Q và anh H, chị T là sự việc có thật.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng đến nay anh H và chị T còn thiếu tiền anh Q, anh Q đã đến đòi nhiều lần nhưng đến nay anh H, chị T vẫn chưa thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả tiền được quy định tại khoản 1 Điều 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Do đó việc anh Q yêu cầu anh H, chị T phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền còn nợ 28.710.000đ là hoàn toàn có căn cứ phù hợp quy định của pháp luật.

[2.3] Xét yêu cầu tính lãi của anh Q yêu cầu tính lãi 0,75%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật với mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/10/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định mức lãi suất cơ bản được áp dụng từ ngày 01/12/2010 là 9%/năm tương đương 0,75%/tháng, anh Q yêu cầu tính lãi từ ngày 09/12/2013 đến ngày 09/5/2018 là 53 tháng, cụ thể: $28.710.000đ \times 53 \text{ tháng} \times 0,75\%/tháng = 11.412.225đ$. Tổng cộng gốc và lãi là: $28.710.000đ + 11.412.225đ = 40.122.225đ$ (làm tròn 40.122.000đ) là hoàn toàn có cơ sở nên được chấp nhận.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể anh H và chị T phải liên đới nộp $40.122.000đ \times 5\% = 2.006.100đ$ (làm tròn 2.006.000đ).

Anh Tạ Công Q không phải chịu án phí do yêu cầu được chấp nhận, nên hoàn trả cho anh Q số tiền tạm ứng án phí 1.098.000đ theo biên lai thu số 0014659 ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tr.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 305, 428, 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Tạ Công Q.

Buộc bị đơn anh Nguyễn Văn H và chị Đoàn Thị Bé T có nghĩa vụ liên đới trả anh Tạ Công Q số tiền 40.122.000đ (*Bốn mươi triệu một trăm hai mươi hai nghìn đồng*).

Kể từ ngày anh Tạ Công Q có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh Nguyễn Văn H và chị Đoàn Thị Bé T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Nguyễn Văn H và chị Đoàn Thị Bé T có nghĩa vụ liên đới nộp 2.006.000đ (*Hai triệu không trăm linh sáu nghìn đồng*).

Hoàn trả anh Tạ Công Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.098.000đ (*Một triệu không trăm chín mươi tám nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0014659 ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tr.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tr;
- Chi cục THADS huyện Tr;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lâm Văn Năm